

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2022/DS-ST

Ngày 21/7/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hương

Ông Phạm Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy, Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐST-DS ngày 23/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-DS ngày 22/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Trần Thị Mộng H, sinh năm 1973.

Trú tại: Tổ dân phố Đông Q, phường Phổ V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Trương Thị X, sinh năm 1953.

(Bà Trương Thị X ủy quyền cho bà Trần Thị Mộng H theo giấy ủy quyền ngày 27/4/2022)

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1982.

Trú tại: Tổ dân phố B, phường Phổ Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Xuân B, sinh năm 1934.

Trú tại: Tổ dân phố 3, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975.

Trú tại: Tổ dân phố 3, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Tại phiên tòa bà Trần Thị Mộng H có mặt; bà Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt; bà Nguyễn Thị Thu H có mặt; bà Nguyễn Thị Xuân B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Mộng H và cũng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị X trình bày:

Xuất phát từ chỗ quen biết từ trước nên ngày 26/02/2007 (âm lịch) hai mẹ con bà Trương Thị X; Trần Thị Mộng H cho hai chị em bà Nguyễn Thị Mỹ N Nguyễn Thị Thu Hà vay số tiền 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng*) và 01 cây vàng, loại vàng 97; trong đó, bà Trương Thị X cho vay 01 cây vàng 97; bà Trần Thị Mộng H cho vay 55.000.000 đồng. Khi vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, vay vàng không tính lãi (thỏa thuận miệng). Mục đích vay buôn bán vải, vay không thời hạn, nhưng từ ngày vay đến nay bên vay không trả tiền lãi; tiền gốc đã trả được 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*) và trả bằng hình thức mua hàng trừ nợ tính từ ngày 27/12/2012 đến ngày 28/11/2020 số tiền là 16.070.000 đồng (*mười sáu triệu, không trăm trăm bảy mươi nghìn đồng*), tổng cộng tiền gốc đã trả là 30.070.000 đồng, còn nợ gốc là 24.930.000 đồng và 01 cây vàng, loại vàng 97.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 24.930.000 đồng (*hai mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng*) và 01 (*một*) cây vàng, loại vàng 97. Trong đó trả 01 cây vàng cho bà Trương Thị X và trả 24.930.000 đồng cho bà Trần Thị Mộng H, không yêu cầu trả lãi.

Trong giấy ghi nhận nợ ngày 26/02/2007 (âm lịch) có ghi tên Nguyễn Thị Xuân B và tên Nguyễn Đ. Nay nguyên đơn không yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân B và ông Nguyễn Đ có nghĩa vụ trả nợ vì không liên quan đến khoảng nợ bà N, bà H đã vay. Nguyên đơn xác định giá một chỉ vàng 97 tại thời điểm xét xử là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án. Ngoài ra nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ N là em gái bà Nguyễn Thị Thu H, vào năm 2003 bà H buôn bán vải tại chợ cũ Đức Phổ có quen biết bà Trương Thị X nên có vay vàng và vay tiền, việc thỏa thuận số tiền, vàng vay, trả lãi, trả gốc và thời hạn vay như thế nào thì bà không biết. Năm 2006 bà H có chồng về huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống, nên bà X không gặp bà H để đòi nợ được. Ngày 26/02/2007 âm lịch bà Trương Thị X đến nhà bà Nguyễn Thị Xuân B là mẹ ruột của bà N tại tổ dân phố 3, thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ (nay là Tổ dân phố 3, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) gặp bà N và yêu cầu bà ghi giấy vay số tiền 55.000.000 đồng và 01 cây vàng loại vàng 97, bà N ghi theo lời của bà X đọc. Bà Nguyễn Thị Mỹ N xác định giấy vay tiền, vàng vào ngày 26/02/2007 (âm lịch) là của bà viết, ký bên dưới là đúng, nhưng không đồng ý trả nợ vì số nợ này do bà Nguyễn Thị Thu H vay vào năm 2003 của bà Trương Thị X. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trình bày;

Vào khoảng tháng 01/2003, bà có vay số tiền 55.000.000 đồng và 01 cây vàng, loại vàng 97 của cá nhân bà Trương Thị X tại nhà bà X và tại chợ cũ Đức Phổ. Số tiền cho vay nhiều lần sau đó tính toán góp lại tổng cộng là 55.000.000 đồng, riêng 01 cây vàng cho vay một lần. Mục đích vay buôn bán, vay không thời hạn và có lãi. Tiền lãi hai bên thỏa thuận miệng là 3,7%/tháng; tiền lãi phải trả hàng tháng là 2.035.000 đồng; lãi vàng là 200.000 đồng/10 chỉ; bà H đã trả tiền lãi tính từ tháng 01/2003 đến tháng 6/2008 là 145.275.000 đồng; tiền gốc đã trả 60.070.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H xác nhận các lần trả tiền lãi không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; đối với tiền gốc đã trả các ngày: Ngày 02/01/2004 bà H trả cho bà X nhận 10.000.000 đồng; ngày 18/01/2004 bà H trả cho bà X ngày 10.000.000 đồng; ngày 23/2/2004 bà H trả bà X 10.000.000 đồng, các lần trả nợ này bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh để giao nộp cho Tòa án. Các lần trả nợ ngày 26/6/2008 bà N trả cho bà H nhận 10.000.000 đồng; ngày 18/10/2008 bà B (tên gọi khác B) trả cho bà H nhận 4.000.000 đồng đều có ghi trong giấy vay nợ ngày 26/02/2007; ngoài ra mẹ con bà H mua hàng nhiều lần cộng lại là 16.070.000 đồng trừ vào nợ gốc vay. Tại phiên tòa bà H xác nhận còn thiếu nợ gốc là 24.930.000 đồng, 01 cây vàng loại vàng 97 và đồng ý trả cho nguyên đơn. Toàn bộ khoảng nợ này không liên quan đến bà Nguyễn Thị Mỹ Ng, bà Nguyễn Thị Xuân B và ông Nguyễn Đ. Bà đồng ý giá 01 chỉ vàng 97 tại thời điểm xét xử là 5.000.000 đồng/chỉ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H liên đới trả cho nguyên đơn nợ gốc là 24.930.000 đồng, 01 cây vàng loại vàng 97.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 16/10/2021 và ngày 14/11/2021 bà Trương Thị X và bà Trần Thị Mộng H khởi kiện bà Nguyễn Thị Mỹ N có địa chỉ tại phường Phổ Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị X và bà Trần Thị Mộng H, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 26/02/2007 âm lịch giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N và bà Trương Thị X, bà Trần Thị Mộng H có lập văn bản thỏa thuận về việc vay tiền như sau “*Nguyễn Thị Thu H, em gái Nguyễn Thị Mỹ N, mẹ Nguyễn Thị Xuân B, cha Nguyễn Đ có vay nợ của cô X và con gái là H số tiền là 55.000.000 đồng (năm lăm triệu chẵn) và 1 cây vàng thường (97), được sự đồng ý, thỏa thuận của gia đình. ký tên Nguyễn Thị Mỹ N*”.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất và biên bản hòa giải bà N xác định giấy ghi ngày 26/02/2007 âm lịch là do bà N viết, không bị ép buộc. Bà Nguyễn Thị Thu H xác định chữ ký “H” bên dưới giấy ghi ngày 26/02/2007 âm lịch là của bà ký tên. Như vậy có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Mỹ N và mẹ con bà X, bà H có xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản vào ngày 26/02/2007 âm lịch là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Đây là hợp đồng vay tài sản không thời hạn và có lãi.

Xét việc trả nợ gốc, lãi của bà Nguyễn Thị Thu H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do bà H và bà N cung cấp tại các bút lục số 47; 46; 45 là chữ viết của bà H, không có chữ ký xác nhận của bà X và bà H. Mặt khác, bà H không thừa nhận việc trả nợ gốc và lãi như bà H trình bày, các lần trả nợ trước thời điểm xác lập trước ngày 26/02/2007 âm lịch.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ N và bà Nguyễn Thị Thu H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa các bên có xác lập giao dịch vay tài sản tiền và vàng vào 2003 nhưng bà H, bà N không cung cấp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét việc giữa các bên có xác lập giao dịch vay tài sản tiền và vàng vào năm 2003.

[2.2] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận đã trả nợ gốc 30.070.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, nên đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Các bên đương sự đều xác định bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Đ không liên quan đến khoản nợ vay, nên Hội đồng xét xử không xét và thỏa thuận giá 01 chỉ vàng 97 tại thời điểm xét xử là 5.000.000 đồng; thỏa thuận này

phù hợp với giá vàng thực tế tại địa phương nên chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị X, bà Trần Thị Mộng H. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N, bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị X 01 cây vàng, loại vàng 97; trả cho bà Trần Thị Mộng H số tiền 24.930.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Mỹ N, Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. $(5.000.000 \text{ đồng/chỉ} \times 10 \text{ chỉ} = 50.000.000 \text{ đồng} + 24.930.000 \text{ đồng} = 74.930.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.746.500 \text{ đồng})$

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Mộng H theo quy định của pháp luật. Bà Trương Thị X là người cao tuổi nên được miễn phí.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 298, 471, 473, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị X, bà Trần Thị Mộng H.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ N và bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị X 01 cây vàng, loại vàng 97 và trả cho bà Trần Thị Mộng H số tiền là 24.930.000 đồng (*hai mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Mỹ N và bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.746.500 đồng. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Mộng H tiền tạm ứng án phí 624.000 đồng theo biên lai thu số 0000844 ngày 22/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Hậu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hương

Nguyễn Văn Hậu

Bùi Thị Cẩm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tiến Bộ

Trần Thị Hội

Trần Thanh Sang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi Cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sang